

TƯ TƯỞNG ĐẠO HIẾU TRONG NGÀY LỄ VU LAN CỦA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

Lương Văn Huy, Lâm Từ Thúy My

Trường Đại học Lạc Hồng, Số 10 Huỳnh Văn Nghệ, Bàu Long, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: luongvanhuy@lhu.edu.vn

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận: 7/9/2024
Ngày chỉnh sửa: 2/10/2024
Ngày chấp nhận: 4/11/2024
Ngày đăng: 8/12/2024

TỪ KHÓA

Minh hôn;
Tập tục;
Nguyên nhân;
Nghĩ thức.

TÓM TẮT

So sánh tư tưởng về ngày lễ và văn hóa là phương pháp nghiên cứu cơ bản để làm rõ nét tương đồng và khác biệt giữa hai nền văn hóa. Bài viết này sử dụng phương pháp đó để phân tích tư tưởng hiếu đạo trong ngày lễ Vu Lan của Việt Nam và Trung Quốc. Tư tưởng báo hiếu của Phật giáo, đặc biệt trong lễ Vu Lan, chủ yếu là đền đáp công ơn cha mẹ và làm việc thiện. Nội hàm của nó bao gồm lòng hiếu thảo, kính trọng và trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ. Tư tưởng này đã lan truyền đến Việt Nam và Trung Quốc từ rất sớm và gắn liền với các lý thuyết Phật giáo khác. Lòng hiếu thảo được coi là điều kiện tiên quyết để đánh giá một người trong xã hội. Nhà Nho cũng coi đức hiếu là nền tảng. Tuy nhiên, để hiểu rõ bản chất của tư tưởng đạo hiếu trong lễ Vu Lan, cần phải đi sâu tìm hiểu sự khác biệt và tương đồng giữa hai nền văn hóa này. Hy vọng bài viết giúp người học tiếng Trung hiểu rõ hơn về tư tưởng đạo hiếu trong ngày lễ Vu Lan của Việt Nam và Trung Quốc.

COMPARISON ON FILIAL PIETY ON VU LAN FESTIVAL IN VIETNAM AND CHINA

Luong Van Huy, Tu Lam Thuy My

Lac Hong University, No. 10 Huynh Van Nghe Str., Bui Long Ward, Bien Hoa, Dong Nai, Vietnam

*Corresponding Author: luongvanhuy@lhu.edu.vn

ARTICLE INFO

Received: Sep 7th, 2024
Revised: Oct 2nd, 2024
Accepted: Nov 4th, 2024
Published: Dec 8th, 2024

KEYWORDS

Posthumous;
Conventionality;
Reason;
Ceremony.

ABSTRACT

Comparing thoughts on holidays and culture is a fundamental research method, especially for highlighting and clarifying the similarities and differences in the ideologies of two different cultures. This article uses this method to analyze the concept of filial piety during the Vu Lan festival in Vietnam and China. The Buddhist concept of filial piety, particularly during the Vu Lan festival, primarily involves repaying parents' gratitude and performing good deeds. Its essence includes filial piety, respect, and responsibility between children and parents. This concept spread to Vietnam and China early on and grew alongside other Buddhist theories. Filial piety is considered a prerequisite for evaluating a person's character in society. Confucians also regard filial virtue as fundamental. However, to truly grasp the nature of filial piety during the Vu Lan festival, it is essential to delve into the differences and similarities between the two cultures. The article aims to help Chinese language learners understand more about the similarities and differences in the concept of filial piety during the Vu Lan festival in Vietnam and China.

Available online at: <https://js.lhu.edu.vn/index.php/lachong>

1. DẪN LUẬN

Đạo hiếu được xem là một tình cảm thiêng liêng và cao đẹp nhất trong đời sống của con người Việt Nam, con người Trung Quốc nói riêng và thế giới nói chung. Tác giả muốn thông qua việc nghiên cứu so sánh về tư tưởng đạo hiếu trong ngày lễ Vu Lan của Việt Nam và Trung Quốc để tìm hiểu về đặc trưng văn hóa, ý nghĩa của ngày lễ ở hai đất nước, những yếu tố này phản ánh đời sống văn hóa và đạo đức của mỗi xã hội như thế nào. Những người con không thể sống nếu thiếu sự quan tâm chăm sóc của ông bà, cha mẹ. Ngược lại, khi ông bà cha mẹ đến lúc tuổi già, sức yếu thì người ta sẽ nghĩ đến sự đền đáp của con cháu.

2. BỐI CẢNH VÀ LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

Sự nhận biết về văn hóa và ý nghĩa của đạo hiếu có ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần của người Việt Nam và người Trung Quốc. Vì thế, thông qua cách tìm hiểu về tư tưởng đạo hiếu trong lễ Vu Lan của Việt Nam và Trung Quốc, chúng ta có thể hiểu sâu sắc về văn hóa của hai đất nước. Việc nắm vững và hiểu rõ tư tưởng này có thể giúp cho những người Việt Nam đang học tiếng Trung và người Trung Quốc đang học tiếng Việt có cái nhìn khách quan hơn về tư tưởng đạo hiếu trong ngày lễ Vu Lan. Không những vậy, nó còn góp phần hỗ trợ cho họ thấy được sự tương đồng và khác biệt về văn hóa, tư tưởng, ý nghĩa, nghi thức của người Việt Nam và người Trung Quốc, hiểu biết rõ hơn về nguồn gốc và diễn biến ngày lễ Vu Lan, đồng thời góp phần khích lệ, khuyến khích họ phải biết giữ gìn và phát huy truyền thống, tư tưởng đạo hiếu của ngày lễ Vu Lan. Chính vì những lý do trên, tác giả quyết định lấy việc nghiên cứu so sánh về tư tưởng đạo hiếu trong ngày lễ Vu Lan của Việt Nam và Trung Quốc làm đề tài nghiên cứu.

3. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Theo bối cảnh và lý do chọn đề tài nghiên cứu nêu trên, việc nghiên cứu đề tài này sẽ đi sâu vào tìm hiểu, so sánh để thấy được sự tương đồng và khác biệt về tư tưởng đạo hiếu trong ngày lễ Vu Lan của Việt Nam và Trung Quốc. Từ đó, đề tài giúp người đọc hiểu hơn về trí tuệ, văn hóa của người xưa, đồng thời học hỏi và hiểu biết sâu hơn về sự thay đổi, điều chỉnh cuộc sống, đạo đức, tư tưởng cho đến hiện tại của con người Việt Nam và Trung Quốc. Hơn nữa, bài viết cũng chú trọng vào việc giúp người Việt học tiếng Trung và người Trung học tiếng Việt cũng có thêm kiến thức, nắm vững ý nghĩa, tư tưởng đạo hiếu trong lễ Vu Lan của Việt Nam và Trung Quốc, góp phần giảm thiểu những hiểu biết sai lệch về văn hóa, tư tưởng.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để thực hiện đề tài này, tác giả đã tập trung sử dụng các phương pháp nghiên cứu tài liệu, phân tích so sánh và tổng kết tài liệu, từ đó đưa ra những kết quả tìm hiểu rõ ràng và chính xác để làm rõ về điểm tương đồng cũng như

khác biệt về tư tưởng đạo hiếu trong ngày lễ Vu Lan của người Việt Nam và người Trung Quốc.

5. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

5.1 Tình hình nghiên cứu trong nước

Nói về tư tưởng đạo hiếu của Phật giáo và phân tích, lý giải tư tưởng về đạo hiếu của Phật giáo và sự phát triển, thay đổi của lễ Vu Lan ở Việt Nam, có hai nội dung: “Tư tưởng đạo hiếu của Phật giáo” và “tư tưởng đạo hiếu của lễ Vu Lan Việt Nam”.

Có rất nhiều tài liệu và các bài nghiên cứu về đặc điểm của ngày lễ Vu Lan, các tài liệu về Phật giáo có liên quan cũng như có tác động đến ngày lễ Vu Lan... đã cung cấp thêm nhiều kiến thức cũng như sự hiểu biết sâu sắc hơn, tiêu biểu như: “Phật giáo và chữ Hiếu” 《佛教与孝子》

[1], “Người Việt Nam yêu mẹ kính cha” 《越南人爱母敬父》 của Hòa thượng Thích Minh Châu. [2]

Hay, “Ý nghĩa lễ Vu Lan qua điểm nhìn lịch sử” do Thích Phước Đạt soạn; “Lược khảo về sự tích và ý nghĩa Lễ hội Vu Lan” do Nguyễn Phúc Bửu Tập soạn. Bài viết đã mô tả ngắn gọn sự ảnh hưởng của lễ Vu Lan và tư tưởng đạo hiếu của Phật giáo đối với văn hóa Việt Nam và quá trình phát triển, tiến hóa của nó. [3]

Hay “Nguồn gốc, ý nghĩa ngày lễ Vu Lan báo hiếu” của Phạm Quang Hà, Ban Tôn giáo. [4]

Và “Giá trị giải thoát của ngày lễ Vu Lan” do Thượng toạ Thích Phước Đạt viết. [5]

Ngoài ra, còn có “Đạo đức Phật giáo và hạnh phúc của con người - đạo hiếu trong kinh tạng Pali” của HT. Thích Minh Châu. [6]; “Đạo hiếu trong Phật giáo” của HT. Thích Minh Châu, HT. Thích Thiện Siêu. [7]

Và “Đạo đức học Phật giáo” của nhiều tác giả do Phật tử Việt Nam nghiên cứu. [8]

5.2 Tình hình nghiên cứu nước ngoài

Bài nghiên cứu “中越节日民俗之比较研究” (Nghiên cứu so sánh lễ hội văn hóa dân gian của Việt Nam và Trung Quốc) của tác giả 过伟 (Quá Vĩ) (2007) [9] đã so sánh sự giống nhau và khác nhau về phong tục và văn hóa Trung Quốc và Việt Nam như Tết, Tiết Thanh minh, lễ hội thuyền rồng, lễ Thất Tịch, Tết Trung thu, lễ Vu Lan v.v... kêu gọi mọi người quan tâm đến các lễ hội truyền thống và phong tục dân gian, đồng thời nâng cao nhận thức của mọi người về việc gìn giữ các di sản thế giới và di sản quốc gia.

Công trình “佛说盂兰盆经与佛教孝慈之道” (Lời Phật dạy về lễ Vu Lan và sự hiếu thảo trong Phật giáo) của tác giả 昌莲 (Xương Liên) (2008) [10] đã ghi chép lại rằng: Mục Kiên Liên, đại đệ tử của Đức Phật, không thể chịu đựng nỗi nỗi đau của mẹ mình bị đọa nơi cõi ngạ quỷ nên

đã thỉnh cầu Phật Pháp nơi Đức Phật. Đức Phật dạy rằng ngày 15 tháng 7 âm lịch là ngày kết giới của chư Tăng. Cúng dường chư Tăng mười phương những món ăn và trái cây tươi ngon, như vậy có thể cứu mẹ mình thoát khỏi đau khổ. Lễ Vu Lan được tổ chức theo bốn kinh, đã được phổ biến rộng rãi trong nhân dân Trung Quốc và nó có ích cho việc thể hiện lòng hiếu thảo của người dân.

Chương thứ năm “中国佛教孝亲观” (Quan điểm của Phật giáo Trung Quốc về đạo hiếu) trong luận án tiến sĩ “中国佛教伦理研究” (Nghiên cứu đạo đức Phật giáo Trung Quốc) của 王月清 (Vương Nhạc Thanh) Trường Đại học Nam Kinh [11] Bài giới thiệu một số phương pháp mà Phật giáo Trung Quốc tìm kiếm để phù hợp với truyền thống Trung Quốc về vấn đề hiếu, xem xét quá trình xây dựng lý luận của chính Phật giáo Trung Quốc về vấn đề hiếu, và bước đầu thảo luận về quá trình phát triển của quan điểm về hiếu của Phật giáo Trung Quốc.

Tiếp đến là bài nghiên cứu “中文传统节日文化习俗对比及教学研究” (So sánh phong tục văn hóa lễ hội truyền thống Trung Quốc và nghiên cứu giảng dạy) của tác giả 阮氏荷 (Nguyễn Thị Hà) (2019) [12] nghiên cứu sinh Việt Nam tại Trung Quốc, phân tích các đặc điểm, đặc trưng, sự tương đồng và khác biệt giữa các ngày lễ của Việt Nam và Trung Quốc.

6. NỘI HÀM TƯ TƯỞNG ĐẠO HIẾU PHẬT GIÁO NÓI CHUNG

6.1 Đạo hiếu là sự báo ơn cha mẹ

Đạo hiếu là đức tính cơ bản của con người. Nó được xem là sự văn minh, văn hóa của một con người nói riêng và xã hội nói chung. Vậy, tại sao chúng ta phải hiếu kính với cha mẹ? Bởi vì, dù cho xảy ra điều gì đi nữa thì cha mẹ vẫn sẽ luôn đứng ra lo lắng và bảo vệ cho chúng ta. Từ xưa đến nay, chúng ta nghe nói nhiều về sự hi sinh vì con cái của các bậc làm cha làm mẹ nhưng lại ít khi nhìn thấy con cái hi sinh vì cha mẹ của mình. Cha mẹ không chỉ là người sinh ra và nuôi dạy ta từng ngày mà còn là người thầy, người bạn đầu tiên của chúng ta.

Đức Phật nói rằng, “Đầu tiên, con cái nên đối xử với cha mẹ như cách mà mình đối xử với Brahma” tức là tôn kính và phụng dưỡng như một vị vua. Nếu muốn tôn kính và phụng dưỡng Brahma thì không bằng phụng dưỡng và tôn kính chính cha mẹ của bản thân”, bởi vì họ mới là người thật sự sinh ra và nuôi dưỡng ta “Thứ hai, con cái nên tôn trọng cha mẹ như cách mình tôn trọng các chư tăng, bởi lẽ cha mẹ chính là người thầy đầu tiên dạy dỗ chúng ta, là người thầy tốt nhất”. Chính vì lẽ đó mà ta nên xem cha mẹ cũng giống như là chư tăng. Điều thứ ba và thứ tư là nói đến việc con cái nên tôn trọng cha mẹ như cách tôn trọng trời đất. Đức Phật nói rằng: "Tôn trọng, phụng dưỡng thân không bằng tôn trọng phụng dưỡng

chính cha mẹ của mình, bởi vì cha mẹ mới là người có thể chỉ dạy điều hay lẽ tốt cho con cái."

Thứ hai, trong Tăng chi Bộ của Phật giáo Nam truyền cũng có nói đến việc chúng ta hãy coi cha mẹ là ngọn lửa gốc, bất cứ lúc nào cũng nên phụng dưỡng và tôn trọng. Vì vậy, Đức Phật đã giảng cho họ rằng: "Nếu như các con muốn sùng bái ngọn lửa như vậy thì không bằng hãy đi phụng dưỡng cha mẹ. Bởi vì, chỉ có cha mẹ mới có thể cho các con niềm vui và sự hạnh phúc chứ không phải thần lửa." [13]

Qua những phân tích trên, chúng ta có thể thấy rằng, đạo Phật rất coi trọng đạo hiếu và những ân đức của cha mẹ. Vì họ là người nuôi dưỡng con cái thành người, vì vậy chúng ta phải nhớ công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Từ lâu, Phật Giáo cũng đã cho rằng công ơn dưỡng dục của cha mẹ rất nặng. Phật nói về công ơn khó mà báo đáp được hết của cha mẹ, còn giảng làm sao để con cái biết báo hiếu cha mẹ. Khi chúng ta báo hiếu cha mẹ, không thể chỉ dùng những thứ như ăn uống, ăn mặc, nhà ở, đi lại để báo đáp ân đức của cha mẹ. Báo hiếu như vậy không phải là cách hoàn thiện, hoàn hảo. Đức Phật dạy các Phật tử của ngài rằng, phải dùng bốn cách sau đây mới có thể báo đáp được công ơn dưỡng dục của cha mẹ.

Một là, thiết lập đức tin trong sáng; hai là, sống có đạo đức; ba là, thường xuyên quyên góp giúp đỡ; bốn là, trí tuệ ở đời này. Vì vậy, theo lời dạy của Đức Phật, việc giúp đỡ cha mẹ về mặt tinh thần quan trọng hơn nhiều việc báo đáp cha mẹ bằng những thứ vật chất. Tư tưởng báo hiếu của Phật giáo tập trung vào việc con cái dùng các phương pháp khéo léo để thuyết phục cha mẹ làm nhiều việc thiện hơn, chẳng hạn như bố thí quyên góp, chấp nhận và giữ gìn năm giới, v.v. Nếu cha mẹ của chúng ta làm điều này, họ có thể được ban phước lành và sống hạnh phúc ở thế giới bên kia. Phật giáo cho rằng cách báo đáp như thế mới là cách báo đáp tốt nhất, sự báo đáp này vượt trên cả những khía cạnh vật chất, sự phụng dưỡng thông thường để báo hiếu cha mẹ. Bởi vì thuyết nhân quả luân hồi của đạo Phật tin rằng, hành động của bản thân mỗi người dù tốt hay xấu đều sẽ được đền đáp. Vì vậy, Phật giáo khi nói về báo đáp lòng hiếu thảo, tuy cũng nói về phương diện phụng dưỡng về vật chất, nhưng lại chú ý đến phương diện tinh thần của nó nhiều hơn. Là một người con, không chỉ biết ơn mà còn phải biết cách báo ơn, không chỉ dùng vật chất để báo ơn mà còn phải biết báo ơn về mặt tinh thần.

6.2 Đạo hiếu là hành động hướng thiện

Đạo Phật còn được gọi là “đạo từ bi”. Năm giới trong giới luật Phật giáo, giới đầu tiên là “không được sát sinh”. Ý nghĩa của "không sát sinh" có nghĩa là chúng ta không thể giết tất cả động vật và con người, thậm chí chúng ta không thể phạm những lời nói và việc làm xấu xa. Hình thức nguyên thủy của chữ “hiếu” trong Phật giáo có hai nghĩa, một là báo đáp vật chất, hai là báo đáp tinh thần

Hành động báo hiếu khi cha mẹ còn sống không chỉ là kính trọng, yêu thương, bảo vệ và phụng dưỡng mà ngay cả khi cha mẹ qua đời, chúng ta cũng phải biết tưởng nhớ. Đạo Phật cũng cho rằng, đạo hiếu là đạo lý luân thường, là đạo lý quan trọng. Vì vậy, chúng ta kính trọng, yêu thương cha mẹ, hiếu thảo với cha mẹ. Chúng ta phải biết hướng mình và cha mẹ làm điều thiện, tránh xa cái ác. Và chúng ta còn phải làm điều tốt, sống một cuộc sống thật tốt. Chỉ bằng cách này, chúng ta mới có thể khiến cho cha mẹ của mình hạnh phúc và có được may mắn trong đời sau.

Theo quan niệm nghiệp báo của Phật Giáo, hành động của mỗi người dù tốt hay xấu thì bản thân họ cũng phải chịu trách nhiệm, cha mẹ làm gì thì cha mẹ chịu, con cái làm việc xấu thì tự chịu trách nhiệm, không ai có thể chịu thay cho nhau được. Do đó, con cái sẽ phải chịu quả báo do những việc làm xấu của mình hoặc con cái không thể hưởng quả báo tốt của những việc tốt mà cha mẹ đã làm. Vì vậy, khi báo đáp, Đức Phật chủ trương con cái phải khuyên cha mẹ làm nhiều việc thiện.

“Tì khuru biết rằng, nếu như người có cha mẹ không có lòng tin thì hãy sống trong chánh tín, nếu như người có cha mẹ không giữ giới luật thì nên cấm giới, nếu như người có cha mẹ keo kiệt thì phải bố thí, nếu như người có cha mẹ không sáng suốt thì phải sáng suốt.” [14]

Trong kinh có nhắc đến bốn cách báo ơn, thanh tịnh chánh tín, nghiêm ngặt kiêng kỵ, thực hiện quyền góp giúp đỡ và phát triển trí tuệ, bốn loại này đều là về mặt tinh thần. Thứ nhất là phát triển lòng tin nơi Đức Phật, thứ hai là tuân giữ năm giới, thứ ba là thoát khỏi lòng tham và sự tham lam, thứ tư là hiểu biết rõ ràng về cuộc sống của chính mình. Nguyên lý Tứ Diệu Đế được giảng dạy trong Phật giáo là sự hiểu biết rõ ràng của Phật giáo về cuộc sống. Sự hiểu biết rõ ràng về nguyên lý Tứ Diệu Đế có nghĩa là có sự hiểu biết rõ ràng về cuộc sống của chính mình, đây chính là trí tuệ. Nếu chúng ta sử dụng những cách phù hợp và khéo léo để giúp cha mẹ chúng ta tiến bộ về chánh tín, đạo đức, độ lượng và trí tuệ, thì cha mẹ của chúng ta sẽ có thể tìm thấy bình an và hạnh phúc trong đời sau. Nhưng nếu chúng ta không vâng lời cha mẹ hoặc nếu ai đó làm tổn thương cha mẹ, chúng ta phải chịu năm tội trọng. Giết cha giết mẹ là một trong năm tội lớn.

Nếu như có ai giết cha giết mẹ thì sẽ phạm phải trọng tội, lập tức bị đày xuống địa ngục. Từ đó chúng ta có thể thấy rằng, đạo hiếu đóng một vai trò quan trọng trong khía cạnh đạo đức và học thuật của Phật giáo. Qua đó có thể thấy rằng dù có báo hiếu cha mẹ nhưng có làm việc ác thì người ta cũng không thể thoát khỏi quả báo.

“Có năm loại người sẽ bị đọa xuống địa ngục, không có tự do, chịu nhiều đau khổ, không thể nào xóa bỏ được. Đó là năm loại người nào? Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm thân Phật chảy máu và chia rẽ Tăng-già. Năm loại

người này sẽ bị đọa xuống địa ngục, không có tự do, chịu nhiều đau khổ, không thể xóa bỏ được.” [15]



Hình 1. Địa ngục [16].

Hay trong Tương ưng Bộ kinh điển (cuốn 1 đến cuốn 11) – cuốn 11: (Đại tạng kinh, Nam truyền, trang 389, PTS.S.1.228 [17] có ghi rằng:

Hiếu dưỡng phụ mẫu già	Phụng sự ư gia trưởng
Dĩ ngữ nhu hòa ngữ	Viễn li ư sàm báng
Xá li ư khan tham	Ngữ chân thật chế phẫn
Hiệp lợi chi chư thiên	Hô bỉ vi thiện nhân

6.3 Đạo hiếu là tầm quan trọng của việc duy trì trật tự xã hội

Trong Mangalasutta (Kinh Hạnh Phúc), Đức Phật nói: Mātāpitu upthānam... Etammanagalamuttamam (phụng dưỡng cha mẹ... chính là vận may tối thượng). "Hiếu kính cha mẹ là một lý thuyết quan trọng trong Phật giáo và nó được coi như quy luật của xã hội tự nhiên. Nếu chúng ta không tôn trọng và hiếu kính cha mẹ của mình thì những điều xấu sẽ xảy ra. Ví dụ như gia đình không hạnh phúc, con cái sẽ làm chuyện xấu, sẽ xảy ra chiến tranh. Những tư tưởng như thế có thể tìm thấy trong Tăng chi Bộ, Tương ưng Bộ. Trong những kinh này có nói: "Nếu như dân chúng, con cái không phụng dưỡng cha mẹ, Bà la môn, không làm việc thiện, chư thiên sẽ giảm, Ausura sẽ tăng lên. Ngược lại, nếu như dân chúng phụng dưỡng cha mẹ, làm việc thiện, Ausura sẽ giảm, chư thiên sẽ tăng lên". [18] Trong xã hội, khi Ausura tăng lên thì chiến tranh sẽ nổ ra, mà trong xã hội có rất nhiều con cái không phụng dưỡng cha mẹ thì cũng sẽ xảy ra rất nhiều chuyện xấu. Những lời như thế sẽ ảnh hưởng đến đến hoàn cảnh xã hội và gia đình. Xã hội không trật tự, thế giới sẽ không yên bình. Mà khi chư thiên nhiều thì xã hội và thế giới sẽ ổn định và hòa bình.

Trong gia đình, cha mẹ và con cái tôn trọng, yêu thương lẫn nhau. Lòng hiếu thảo của con người cũng giống như đạo phải của pháp luật. Đạo hiếu là một con đường, gia đạo trọn vẹn. Một người biết hiếu thảo với cha mẹ chắc chắn sẽ biết ơn cho bản thân, cho người xung quanh và cho cả thiên hạ. Vì thế, con người phụng dưỡng, hiếu kính với cha mẹ cũng chính là đang hành thiện cho bản thân. Họ làm những điều tốt không chỉ cho cha mẹ mà còn cho chính họ. Vì cha mẹ, chúng sinh và Phật v.v... Hiếu kính với cha mẹ nghĩa là làm việc thiện cho tất cả chúng sinh, tương lai bản thân cũng sẽ mang lại những điều tốt

lành cho mình. Vì vậy, hiếu kính với cha mẹ có tầm quan trọng trong việc duy trì các trật tự xã hội. Theo quan điểm này, đạo hiếu trong đạo Phật đáp ứng mong muốn và yêu cầu của xã hội hiện đại cả về lý luận và thực tiễn.

7. NGUỒN GỐC VÀ DIỄN BIẾN CỦA LỄ VU LAN

7.1 Phật giáo du nhập Trung Quốc

Phật giáo du nhập từ giữa thời Lưỡng Hán vào Trung Quốc [19]. Trong điều kiện xã hội Trung Quốc lúc bấy giờ, nó bắt đầu bén rễ và trở thành một bộ phận của hệ tư tưởng thượng lưu của xã hội Trung Quốc. Nó đã phát triển liên tục ở Trung Quốc trong hai nghìn năm và có ảnh hưởng rộng rãi. Trong quá trình truyền bá, nó đã ảnh hưởng sâu sắc đến văn học, tư tưởng và nghệ thuật Trung Quốc. Sự phát triển của Phật giáo sau khi du nhập Trung Quốc chủ yếu là trong các giai đoạn lịch sử của đầu các triều đại nhà Hán, nhà Đường và sau đó là các triều đại Tống, Nguyên, Minh và Thanh ở Trung Quốc.

Khi Phật giáo du nhập Trung Quốc những ngày đầu, để có được một chỗ đứng vững chắc ở Trung Quốc, nó đã được hòa nhập với các tôn giáo địa phương ở Trung Quốc. Khi Phật giáo lần đầu tiên du nhập Trung Quốc, Phật giáo theo cách hiểu của những người bình thường vào thời Đông Hán là có sức mạnh siêu nhiên. Đến cuối thời nhà Hán, Phật giáo được người dân thời đó hiểu rằng việc cầu chúc Phật là để cầu mong sự may mắn. Ngoài ra, mặc dù bản thân giáo lý của Phật giáo đã có hệ thống vào thời điểm đó, nhưng chúng vẫn không thể được phổ biến rộng rãi trong xã hội.

Trong thời kỳ Nam Bắc triều (420-589), sau khi Phật giáo du nhập Trung Quốc, nó đã trải qua nhiều giai đoạn khảo nghiệm, thích nghi, phát triển, thay đổi, thâm nhập và hòa trộn, cuối cùng trở thành một bộ phận của văn hóa Trung Quốc và tư tưởng Trung Quốc. [20] Các triều đại Ngụy, Tấn, Nam Bắc triều, Phật giáo có sự phát triển nổi bật. Trong thời kỳ này, kinh Phật được dịch trên quy mô lớn. Mặc dù vậy, lực lượng chính của việc phiên dịch không phải là các nhà sư Trung Quốc mà là các nhà sư đến từ Tây Tạng, cũng có rất nhiều nhà sư người Hán theo học với họ.

Vào thời Tùy Đường, lực lượng Trung Quốc hùng mạnh, văn hóa thịnh vượng, đã có những đóng góp tích cực vào sự phát triển của văn hóa thế giới, châu Á lúc bấy giờ. Trong điều kiện xã hội phát triển mạnh mẽ và thịnh vượng như vậy, Phật giáo đã phát triển từ thời kỳ sản sinh đến cực thịnh của Nam Bắc triều, đồng thời hình thành nhiều tông phái có tầm ảnh hưởng quốc tế.

Sau thế kỷ thứ IX, Phật giáo Trung Quốc đạt đến thời kỳ hoàng kim, trong thời kỳ này, tám tông phái liên tiếp nổi lên, trăm hoa đua nở. Vào các triều đại Tống Nguyên, Minh và Thanh, thời kỳ sau của xã hội phong kiến Trung Quốc, do những thay đổi của điều kiện chính trị xã hội, Phật giáo bắt đầu suy tàn về hình thức.

Là một nền văn hóa tôn giáo ngoại lai, những ngày đầu du nhập, giáo lý, giới luật và nghi lễ của nó trái ngược với tư tưởng truyền thống của Trung Quốc, nhất là về đạo đức, và biểu hiện nổi bật nhất là đạo hiếu trong đạo đức truyền thống Trung Quốc, mâu thuẫn về quan điểm. Chủ yếu ở các khía cạnh sau: Đầu tiên, đó là về việc cạo râu. Người xuất gia tu hành phải xuống tóc, mà theo quan điểm truyền thống của Trung Quốc, việc xuống tóc là một hành động vi phạm đạo hiếu. Tư tưởng đạo đức Nho giáo truyền thống của Trung Quốc cho rằng, mạng sống của con người là do cha mẹ ban cho, là ân đức của cha mẹ, không thể tùy tiện làm hư hỏng, ngược lại còn vi phạm đạo hiếu.

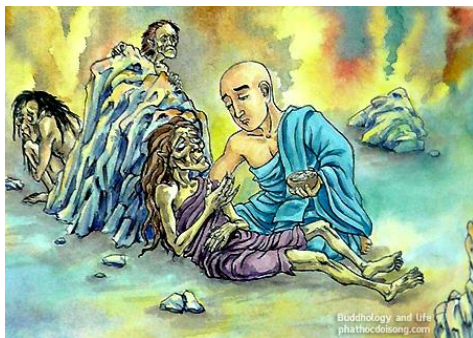
Vì vậy, chương đầu tiên của Hiếu Kinh đã ghi rõ “đầu tóc cơ thể, nhận được từ cha mẹ, không dám phá hoại.” [21] Nhưng đạo Phật thì ngược lại, đạo Phật cho rằng thân xác con người là gông cùm của tinh thần, còn tóc là chướng ngại cho việc tu hành. Vì vậy, người xuất gia, tu hành phải cạo tóc để thể hiện quyết tâm “dứt áo ra đi từ bỏ những rắc rối”. Vì vậy giữa hai quan điểm đạo đức khác nhau đã xảy ra mâu thuẫn và xung đột nghiêm trọng. Loại xung đột và mâu thuẫn này đã có từ khi Phật giáo bắt đầu du nhập Trung Quốc. Nội dung cơ bản nhất của đạo hiếu truyền thống Trung Quốc là hiếu kính cha mẹ. Có thể thấy, lối sống và cách tu hành của nhà sư Phật giáo hoàn toàn không phù hợp với tư tưởng truyền thống của Trung Quốc. Vì vậy, khi đạo Phật du nhập Trung Quốc, điều này đã bị rất nhiều người thời bấy giờ phản đối kịch liệt. Hơn nữa, đi tu từ bỏ gia đình, cắt đứt người thừa kế, cắt đứt huyết thống. Từ góc độ đạo đức Nho giáo, đây là một vấn đề rất nghiêm trọng, và đó là sự bất hiếu lớn nhất. Tư tưởng truyền thống của Trung Quốc cho rằng "bất hiếu có ba thứ, không có con cháu là lớn nhất", đây là một phần mở rộng của phong tục thờ cúng tổ tiên xa xưa. Như chúng ta thấy ở trên, có một sự mâu thuẫn giữa hai điều này. Với sự truyền bá và thay đổi của Phật giáo ở Trung Quốc, những mâu thuẫn này dần dần phát triển, đôi khi biến thành xung đột trong những điều kiện nhất định. Trong hoàn cảnh đó, để hòa nhập vào xã hội Trung Quốc và giải quyết mâu thuẫn với đạo hiếu truyền thống của Trung Quốc, tư tưởng Phật giáo cũng đã được điều chỉnh và cải cách. Kể từ đó, nhiều tông phái và lễ hội pháp đã xuất hiện, trong đó có hội Vu Lan còn gọi là lễ Vu Lan.

7.1.1 Nguồn gốc của ngày lễ Vu Lan

Ngày 15 tháng 7 hàng năm ở Trung Quốc diễn ra lễ Vu Lan do Phật giáo tổ chức. Lễ Vu Lan có sức ảnh hưởng rộng rãi nhất định trong nhân dân, dựa trên kinh Phật "Kinh Vu Lan" và "Phật thuyết Kinh ân cha mẹ khó báo đáp". Là một lễ hội Phật giáo độc đáo, lễ Vu Lan rất phổ biến đối với người Trung Quốc, những người coi trọng lòng hiếu thảo. Nó đã được tích hợp với quan niệm truyền thống của Trung Quốc về ma và thần, đã trở thành một lễ hội dân gian độc đáo lan rộng khắp Trung Quốc, dần dần phát triển thành một trong những lễ hội Phật giáo lớn nhất.

Ở một số nước châu Á, Kinh Vu Lan và lễ Vu Lan bổ sung cho nhau, thúc đẩy nhau, truyền bá rộng rãi tư tưởng truyền thống hiếu thảo với cha mẹ và thờ cúng tổ tiên. Ngoài Trung Quốc, lễ Vu Lan đã trở thành một ngày lễ được mọi người trên khắp Nhật Bản và Việt Nam tổ chức, bất kể họ có tin vào Phật giáo hay không.

"Lễ Vu Lan" bắt nguồn từ câu chuyện "Mục Kiền Liên cứu mẹ". Trong "Kinh Vu Lan", theo truyền thuyết, Mục Kiền Liên là một trong những đệ tử xuất chúng của Đức Phật Thích Ca đã cứu mẹ mình khỏi cõi ngạ quỷ. Theo lời Phật dạy làm bát cơm để nuôi hàng triệu nhà sư, cuối cùng đã thành công trong việc cứu mẹ mình khỏi con đường ngạ quỷ. Mục Kiền Liên cảm kích vô cùng, từ đó khuyến khích chúng sinh nơi nhân gian hằng năm tổ chức lễ cúng Vu Lan vào rằm tháng bảy và tụng kinh Vu Lan Bồn để báo hiếu tới cha mẹ.



Hình 2. Mục Kiền Liên cứu mẹ [22].



Hình 3. Mục Kiền Liên cứu mẹ [23].

Các văn bản về lịch sử Phật giáo nguyên thủy và đại thừa, đều thông nhất cho rằng: Lễ hội Vu lan khởi nguồn từ điển tích tôn giả Mục Kiền Liên cứu mẹ: Lễ Vu Lan chính thức được bắt nguồn từ một bản kinh ngắn của Phật giáo Đại Thừa "Phật Thuyết Kinh Vu Lan Bồn", do ngài Trúc Pháp Hộ dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hán vào đời Tây Tấn, tức khoảng năm 750-801 sau Công Nguyên. [24]

7.1.2 Hiếu thảo là biết ơn và báo ơn

Trong kinh "Phật thuyết Kinh ân cha mẹ khó báo đáp", tất cả kinh điển đều giải thích nỗi khổ của người mẹ trong mười tháng mang thai. Tuy nhiên, Đức Phật đã tổng kết rất chi tiết mười đức tính tuyệt vời của người mẹ từ khi thụ thai đến khi sinh con.

Câu nào cũng thấy máu và nước mắt, khiến người ta nhận ra rằng, lòng hiếu sinh của cha mẹ quả thật nặng như núi và sâu như biển, lòng hiếu thảo tự nhiên nảy mầm.

Được Người dạy dỗ, sau khi hiểu được tình yêu thương và sự hy sinh quên mình, tận tụy của cha mẹ dành cho mình, chúng ta nhất định phải biết ơn công ơn của họ và làm tròn đạo hiếu.

Thực hành những điều răn dạy, làm từ thiện và phúc lợi cho con người và xã hội. Con người thực hiện thiện pháp tốt thì giữ gìn đời sống đạo đức, vui vẻ làm việc từ thiện và tích cực giúp đỡ người khác. Một mặt, chúng ta nên làm gương để củng cố thiện ý đối với cha mẹ. Mặt khác, mối quan hệ tâm lý giữa cha mẹ và con là rất tế nhị và đặc biệt. Nhận thức cảm xúc giữa cha mẹ và con cái có thể dễ dàng ảnh hưởng lẫn nhau. Vì vậy, hành vi đạo đức của con cái dễ ảnh hưởng đến cha mẹ. Được biết, con cái là niềm hạnh phúc của cha mẹ và là niềm hy vọng của cha mẹ. Vì vậy, cha mẹ sẵn sàng làm những gì con mình muốn.

Đạo hiếu được biết đến là một nền tảng của con người nói chung, các dân tộc nói riêng, đồng thời nó còn mang tính văn minh và văn hóa, việc lan tỏa văn hóa hiếu thảo sẽ tác động tốt đến truyền thống văn hóa, là tiền đề cho việc xây dựng hạnh phúc của con người.

Ngoài những việc trên, là bản phận của con cái, chúng ta nên cố gắng hết sức để đền đáp công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ. Theo lý thuyết nhà Phật, chỉ có một cách duy nhất là hướng dẫn cha mẹ tin tưởng vào đạo Phật, thuyết phục con cái quy y Tam bảo, tuân theo Ngũ giới và Thập thiện, thoát khỏi mọi khổ đau phiền não mới là cách đền đáp công ơn sinh thành sâu nặng của cha mẹ đúng nhất. Quan trọng hơn là phải báo đáp công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ bằng "Đạo", tu Đạo thì mới đạt được đạo hiếu chân chính.

7.1.3 Đạo hiếu là tâm Phật

Đạo hiếu của đạo Phật là đạo đức cơ bản nhất của con người, là đạo hiếu tốt nhất để đạt đến sự giải thoát.

Đạo Phật chủ trương "báo hiếu", đơn thuần là xuất phát từ tâm lý báo hiếu, mục đích là để con cái báo đáp công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Vì vậy, bản phận làm con phải gác lại nỗi đau sinh tử cho cha mẹ, phần thưởng đền đáp tốt nhất đó chính là chữ hiếu. Điều tốt đẹp nhất trong lòng người Phật tử là được thành Phật. Vì vậy, con đường duy nhất là làm cho cha mẹ tu hành mà thành Phật, đây có thể coi là một sự đền đáp báo hiếu thấu đáo.

7.1.4 Diễn biến của lễ Vu Lan

Lễ Vu Lan ban đầu là một lễ hội tôn giáo. Trung Quốc có một ngày lễ: "xá tội vong nhân" [25] của Đạo giáo (Việt Nam gọi là cúng "Cô hồn" đúng vào ngày 15 tháng 7 âm lịch). Do cả hai lễ này đều có tính chất tương tự nên Phật giáo Trung Quốc đã dung hợp làm một. Tuy nhiên, ở Trung Quốc và Việt Nam, những người không theo Phật giáo vẫn thực hiện lễ cô hồn. Mỗi gia đình đều có các hoạt động như "thả đèn trời", tưởng niệm những người đã khuất và các hồn ma hoang dã. Nó được lưu truyền rộng

rãi trong dân chúng vào thời Nam triều. Vào ngày 15, các tu viện tổ chức lễ Vu Lan, ban đêm thả đèn lồng xuống nước, gọi là đèn sông. Ở Bắc Kinh, trẻ em cầm lá sen có tay cầm dài, đốt nến bên trong và hát dọc đường phố. Vào thời nhà Thanh, nó trở thành lễ hội của Trung Nguyên, đặc biệt là vào Tiết Thanh minh, nơi có các tu viện, lễ Vu Lan sẽ được tổ chức và sẽ biểu diễn lại vở tuồng "Mục Kiền Liên cứu mẹ". Họ cũng dùng giấy để buộc một chiếc thuyền pháp dài 17, 18 tác, còn đốt đèn và có các hoạt động giải trí.

Vì vậy, vào ngày này, tu viện đã tổ chức lễ Vu Lan để cúng dường cho các nhà sư. Vào thời điểm đó, không giống như lễ Vu Lan trong các ngôi đền, người dân chủ yếu dùng lễ Vu Lan để cúng dường cho những người thân đã khuất. Cũng vào khoảng thời gian này, Đạo giáo đưa ra thuyết "Tam nguyên" để đối kháng với Phật giáo.

Người ta nói rằng ngày 15 tháng 7 là ngày "Trung Nguyên" trong Tam Nguyên, nó xuất hiện cùng lúc với lễ Vu Lan của Phật giáo, đồng thời còn có sự ủng hộ mạnh mẽ của chính phủ đối với Phật giáo ở Nam Bắc triều. Vì vậy, nó được mọi người chấp nhận rộng rãi, lễ Vu Lan đã dần được sửa thành tên của lễ hội. Sau thời Đường, Phật giáo và Đạo giáo được nhà Đường ủng hộ, đồng thời Đạo giáo cũng được tôn sùng và đề cao, tư tưởng Trung Nguyên cũng được chú trọng hơn. Vì vậy, thuật ngữ "lễ Vu Lan" bắt đầu được thay thế dần bởi "Lễ hội Trung Nguyên". Tuy nhiên, sự ảnh hưởng của lễ Vu Lan dần dần giảm đi. Vào thời Nam Tống, phong tục thả đèn lồng sông đã xuất hiện trong triều đình, phong tục này đã lan rộng đến người dân vào thời nhà Thanh. Vào thời Trung Hoa Dân Quốc, phong tục đặt đèn lồng trên sông bắt đầu suy giảm. Trừ một số vùng dân tộc thiểu số về cơ bản đã biến mất, còn ít người biết lễ Vu Lan là gì. Mặc dù "lễ hội ma" vẫn được xem là lễ hội của nhân dân, tên gọi không thống nhất và mức độ chú ý đã giảm đi đáng kể.

7.2 Diễn biến của lễ Vu Lan ở Việt Nam

7.2.1 Phật giáo du nhập Việt Nam

Lịch sử đã chứng minh rằng Phật giáo Nam truyền du nhập vào Việt Nam thông qua các thương nhân Ấn Độ từ thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên. Vào thời điểm đó, giao thông ở Việt Nam cũng rất thuận tiện, cả đường bộ và đường thủy. Việt Nam trở thành một con đường giao thông quan trọng giữa Trung Quốc và Ấn Độ lúc bấy giờ. Sau đó, dưới thời trị vì của vua A Dục vào thế kỷ thứ ba trước Công nguyên, ông đã ra lệnh gửi các nhà sư đến các quốc gia và vùng lãnh thổ khác để hoằng dương Phật pháp. "Vào thời điểm đó, Phật giáo không chỉ lan rộng khắp Ấn Độ mà còn lan sang các nước ven biển giữa Địa Trung Hải, đến New Zealand ở phía Nam, Kashmir ở phía Bắc và sâu vào các nước Đông Nam Á." [26] Từ đó đến nay, Phật giáo tiếp tục phát triển ở Việt Nam và được đông đảo người dân thừa nhận. Đây là một trong những con đường giao lưu văn hóa quan trọng nhất trong lịch sử

của Trung Quốc và Việt Nam. Từ lâu, Phật giáo không chỉ có chỗ đứng trong nền văn hóa Việt Nam mà còn có một thời kỳ huy hoàng riêng ở đất nước này. Việc truyền bá Phật giáo đến Việt Nam cũng là một phần của sự giao lưu văn hóa giữa Trung Quốc với Việt Nam và Ấn Độ với Việt Nam.

Về nguồn gốc của Phật giáo ở Việt Nam, hiện vẫn còn những quan điểm khác nhau trong giới học thuật. Một quan điểm cho rằng Phật giáo du nhập vào Việt Nam lần đầu tiên trực tiếp từ Ấn Độ bằng đường biển, đó là "Phật giáo Nam truyền" (Theravada Buddhism) [27]. Một quan điểm khác cho rằng, Phật giáo Việt Nam du nhập bằng đường bộ từ Trung Quốc, do đó phái của Phật giáo Việt Nam khác với Thái Lan, Mianma và các nước Đông Nam Á khác. Ở các nước châu Á, nó được gọi là "Phật giáo Đại thừa". [28] Hầu hết các học giả Trung Quốc tin rằng, Phật giáo Việt Nam không chỉ chịu ảnh hưởng của Phật giáo từ Ấn Độ và các nước ở Biển Đông từ biển, mà còn bởi Phật giáo Trung Quốc từ trên đất liền. Các học giả Việt Nam cũng thừa nhận rằng Phật giáo Đại thừa Trung Quốc du nhập Việt Nam từ cuối thế kỷ thứ II sau Công nguyên và đã phát triển vượt bậc. Vào thế kỷ IV và V, Phật giáo Đại thừa đã thay thế Phật giáo Nam tông địa phương (tức Phật giáo Nguyên thủy) và phát triển mạnh mẽ. Sau đó, ba tông phái lớn là Thiên, Tịnh và Mật tông của Trung Quốc cũng lần lượt du nhập Việt Nam và nó tiếp tục phát triển trong quá trình hội nhập không ngừng với Việt Nam.

Giáo lý của Phật giáo có nội dung rõ ràng và nội dung của nó vừa bao quát, vừa sâu sắc, dễ được người bình thường chấp nhận. Bản thân Phật giáo có "sự bình đẳng của muôn loài", và tư tưởng "làm điều thiện, tích đức" rất hấp dẫn đối với những người dân lao động bình thường. Vì vậy, sau hơn một nghìn năm truyền bá và phát triển ở Việt Nam, Phật giáo đã từng bước bén rễ và tác động sâu rộng đến chính trị xã hội, văn hóa, nghệ thuật, triết học và nhiều mặt khác của Việt Nam.

7.2.2 Sự diễn biến của lễ Vu Lan ở Việt Nam

Ở Việt Nam, ngoài Nho giáo, Đạo giáo của Trung Quốc du nhập Việt Nam ngay từ thời kỳ Bắc thuộc thì Phật giáo cũng truyền vào Việt Nam từ rất sớm, được dùng để củng cố địa vị thống trị. Tuy nhiên, sự du nhập của tam giáo vào Việt Nam không phải thông qua giao lưu văn hóa, cũng không phải là con đường mà người Việt bản địa chịu đầu tư, mà vào Việt Nam qua con đường của quân xâm lược, trở thành công cụ vô hình để đế quốc phong kiến Trung Quốc cai trị và đồng hóa dân tộc Việt Nam. Khi Phật giáo du nhập Việt Nam, Hán Tàng Kinh và lễ Vu Lan của Phật giáo Trung Quốc cũng du nhập sang Việt Nam. Mặc dù ở Trung Quốc và Tây Tạng có nhiều kinh Phật về đạo hiếu phong phú như vậy, nhưng đối với Việt Nam, vốn đã tan rã từ lâu và lâm vào cảnh khốn khó, chỉ có một phần nhỏ du nhập được vào Việt Nam và được người Việt chấp nhận. "Phật thuyết Kinh Vu Lan" du nhập Việt Nam

trong hoàn cảnh này, được người Việt chấp nhận, được tiến hành dịch thuật và lưu hành tại Việt Nam.

Sự phát triển của ngày Lễ Vu Lan ở Việt Nam đã được thể hiện qua các tài liệu như “Phật thuyết Kinh ân cha mẹ khó báo đáp” và “Phật thuyết Kinh Vu Lan”, trong đó Mục Kiền Liên đi vào cõi âm để cứu mẹ của mình. Điều đặc biệt hơn nữa là kể từ khi du nhập Việt Nam, “Phật thuyết Kinh Vu Lan” đã phát triển thành lễ Vu Lan, ảnh hưởng đến tư duy đạo đức của toàn dân và trở thành một trong những lễ hội quan trọng nhất của người Việt Nam. Từ thời nhà Trần, Phật giáo đã phát triển thành quốc giáo. Bởi vì thời đó các hoàng đế, hoàng tử, quan viên đều là những đệ tử thuần thành theo đạo Phật, hiếu thảo với tổ tiên, cha mẹ, thậm chí một số vị vua còn sáng tạo ra những tác phẩm Phật giáo để bày tỏ sự hiếu biết của mình. Đồng thời cũng hy vọng các thần dân của mình sẽ thực hành Phật pháp, chuyển hóa thân tâm để quy mô của lễ hội Vu Lan càng thêm long trọng.

Cho đến thời Nguyễn, các hoàng đế triều Nguyễn vẫn nhất trí với ý nghĩa và giá trị của lễ Vu Lan, đã tổ chức lễ Vu Lan để Phật pháp được vào sâu trong nhân gian, chuyển hóa lòng người và cầu mong mưa thuận gió hòa, thịnh vượng cho đất nước và nhân dân. Vì lòng yêu mến từ bi và nhân ái của Phật giáo, vua Nguyễn đã đến chùa Thiên Mục vào ngày 15 tháng 7 âm lịch hàng năm để lễ Phật, tụng kinh, giải oan và cầu phúc, cứu độ chúng sinh và giúp đỡ. Điều này cho thấy rằng vào thời của vua Nguyễn, lễ Vu Lan đã trở nên phổ biến và trở thành một lễ hội quan trọng hàng năm đối với hoàng gia và người dân.

Các hoàng đế triều Nguyễn, bắt đầu từ vua Nguyễn (1558-1613) đã bắt đầu xây dựng các tự viện. Trong thời kỳ trung kỳ, trong nước có nhiều thế lực khác nhau phát động nổi dậy nên sự nghiệp phát triển của Phật giáo được chú ý nhiều đến nữa. Vào ngày lễ Vu Lan, các vị vua, quan lại và dân chúng đều sẽ đến chùa tổ chức và tham gia pháp hội này, pháp hội không chỉ bày tỏ lòng hiếu thảo với tiền nhân và cầu nguyện cho sự hưng thịnh của đất nước và người dân, mà còn gia tăng sự tôn trọng về tín ngưỡng của người dân đối với hoàng đế và các quan chức. Tuy nhiên, vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Việt Nam đang trong thời kỳ bị đô hộ, chính vì lẽ đó Phật giáo phải đối mặt với một thời kỳ phát triển khó khăn, vì vậy chỉ có một số ít lễ Vu Lan được tổ chức. Mãi cho đến khi xu hướng chấn hưng Phật giáo trở lại, đặc biệt là sau khi Hiệp hội Phật giáo An Nam thành lập, một số pháp hội Phật giáo mới trở nên phổ biến như trước, các buổi lễ như Lễ Phật Đản và lễ Vu Lan cũng được tự do tổ chức. Đến cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, lễ Vu Lan không chỉ giữ nguyên giá trị truyền thống, mà còn thay đổi để phù hợp với thời đại và thực tiễn cuộc sống. Ngày nay, cứ vào dịp lễ Vu Lan là mọi nơi từ thành phố đến nông thôn đều tràn ngập không khí lễ hội. Hiện nay, xã hội Việt Nam đã khá ổn định, mức sống của người dân ngày một nâng cao, hình thức tổ chức cũng càng được nâng cao và long trọng hơn.

Việc tổ chức lễ Vu Lan hàng năm đã thu hút sự chú ý và ủng hộ của mọi người. Vì vậy, chúng ta có thể nói rằng “Phật thuyết Kinh Vu Lan” và “Lễ Vu Lan” đã thâm nhập vào lòng hiếu thảo và đạo hiếu của người Việt một cách vô hình, trở thành nền tảng cho đạo đức và luân lý Việt Nam, khiến cho nó trở nên có giá trị hơn.

8. SỰ KHÁC BIỆT VỀ Ý NGHĨA CỦA LỄ VU LAN Ở VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

8.1 Khái niệm văn hóa dân tộc

8.1.1 Khái niệm văn hóa dân tộc ở Việt Nam

Tư tưởng Việt Nam vốn bao hàm và cởi mở về tín ngưỡng nên ít có thành kiến với tôn giáo. Họ tiếp thu tinh hoa văn hóa tín ngưỡng nước ngoài, tiếp thu vào văn hóa Việt Nam, khiến cho tư tưởng trở nên đa dạng và độc đáo hơn. Chính vì vậy, sau khi Phật giáo du nhập Việt Nam thì ở đây nó dễ dàng bén rễ và đâm chồi nảy lộc.

Trong quá trình phát triển và tiến hóa, Phật giáo đã tiếp nhận và hội nhập với tư tưởng truyền thống Việt Nam. Là một tôn giáo ngoại lai du nhập Việt Nam nhưng đã phát triển thành Phật giáo Việt Nam với những nét đặc sắc của Việt Nam. Chúng ta có thể thấy rằng, tư tưởng Phật giáo có ảnh hưởng rất lớn đến văn hóa dân tộc Việt Nam. Tóm lại, cùng với sự phát triển của lịch sử và văn hóa của Việt Nam, Phật giáo cũng đang không ngừng phát triển. Đạo Phật và vận mệnh của đất nước, dân tộc Việt Nam đã trải qua nhiều giai đoạn vươn lên, vững mạnh trong từng triều đại, đồng thời đã đem lại niềm tự hào và vẻ vang cho dân tộc Việt Nam. Phật giáo Việt Nam phát triển theo “tinh thần Nhập thế”, và do vị trí địa lý đặc biệt của Việt Nam ở ngã ba đường nên văn hóa Việt Nam đã có những bước phát triển nhảy vọt trong giao lưu văn hóa quốc tế, quan niệm về văn hóa dân tộc cũng linh hoạt hơn.

8.1.2 Khái niệm văn hóa dân tộc ở Trung Quốc

Mặt khác, Phật giáo đã du nhập Trung Quốc và đã có tác động lớn đến tín ngưỡng và phong tục tập quán của người Trung Quốc bản địa. Nó đã được tích hợp với văn hóa truyền thống của Trung Quốc, một số tín ngưỡng và phong tục mới đã xuất hiện. Sau khi được du nhập vào Trung Quốc, Phật giáo đã có những mặt tương đối tích cực, sự lan tỏa của nó đã ảnh hưởng sâu sắc đến văn hóa Trung Quốc. Tư tưởng triết học và hình thức nghệ thuật của Phật giáo và văn hóa truyền thống địa phương được kết hợp với nhau tạo thành một nền văn hóa Phật giáo đặc sắc ở Trung Quốc và làm phong phú thêm hình thức và nội dung của văn hóa nước này. Thêm vào đó, một số học giả Trung Quốc cho rằng sự phát triển thịnh vượng của Phật giáo sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế xã hội của Trung Quốc và cuộc sống của người dân.

Cuốn “中国文化要略” (Đề cương văn hóa Trung Quốc) của tác giả 程裕祯 (Trình Dụ Trinh) cho biết: "Sự truyền bá của Phật giáo ở Trung Quốc đã ảnh hưởng đến

suy nghĩ của con người, tiêu thụ của cải của xã hội, do đó cản trở sự phát triển xã hội và lịch sử, hơn nữa nó đóng một vai trò tiêu cực." [29]

8.2 Địa vị của Phật giáo

8.2.1 Địa vị của Phật giáo ở Việt Nam

Đạo Phật có một vị trí quan trọng đối với dân tộc Việt Nam, đạo Phật đã ăn sâu vào đời sống của họ. Ngôi chùa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của làng. Các ngôi chùa không chỉ là nơi sinh hoạt tôn giáo mà còn là trường học. Trẻ em đến chùa không phải để trở thành nhà sư trong tương lai, mà để học tập. Các nhà sư không chỉ để thực hành, thiền định và phục vụ Phật giáo của riêng họ, mà họ còn làm giáo viên trường học hoặc bác sĩ ở các vùng nông thôn. Các thầy mo là những người am hiểu nhất trong làng. Ngoài ra, nhiều công việc trong đời sống làng xã đều do các nhà sư làm cố vấn nên được nhiều nông dân kính trọng.

Ngô Sĩ Liên viết trong Đại Việt sử ký toàn thư “大越史记全书” [30]: “Phật giáo Việt Nam đạt đến đỉnh cao vào thời Lý - Trần”. Năm 1257, quân nhà Nguyên xâm lược Việt Nam [31]. Vua Thái Tông là người đã giác ngộ Phật giáo và Đạo giáo và đích thân chỉ huy quân đội Việt Nam đánh bại quân Nguyên, đánh đuổi quân Nguyên ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Trần Thái Tông là một vị vua giác ngộ Phật giáo và hiểu rõ “tinh thần Nhập thế” của Phật giáo nên khi đất nước gặp nạn, ông đã đích thân chỉ huy quân đội đánh tan kẻ thù, đem lại hòa bình, hạnh phúc cho đất nước và người dân.

Vì vậy, nghiêm nhiên nổ ra cuộc đấu tranh giải phóng đất nước. “Tinh thần Nhập thế” của Phật giáo Việt Nam đã trở thành một tư tưởng quan trọng của Phật giáo Việt Nam. Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, có nhiều vị thiền sư được hoàng đế và các quan đại thần (những người rất sùng đạo Phật) tin tưởng giao nhiệm vụ chính trị, lợi ích cho muôn loài với tư tưởng Phật giáo, không màng danh lợi.

Nói một cách dễ hiểu, tinh thần của Phật giáo khi hội nhập là tích cực làm những việc mang lại lợi ích cho bản thân và cho người khác. Tinh thần của người Phật tử khi hội nhập không phải là tu hành lặng lẽ trong chùa (hay tại gia) để an vui, giải thoát bản thân, mà là đóng góp cho xã hội, đất nước và mang lại những giá trị của chân lý, tốt và đẹp cho con người.

8.2.2 Địa vị của Phật giáo ở Trung Quốc

Ở Trung Quốc, Phật giáo đã đóng góp rất nhiều cho văn hóa, triết học và nghệ thuật Trung Quốc. Ngoài ra, còn có toàn bộ lý thuyết của Phật giáo tập trung vào việc điều chỉnh các vấn đề trong cuộc sống của một người và giải thoát khỏi luân hồi. Chủ đề cai trị đất nước và nhân dân cũng được đề cập đến trong các tác phẩm kinh điển của Phật giáo Nguyên thủy, nhưng không nhiều. Tuy nhiên,

trong xã hội phong kiến Trung Quốc, chúng ta đã chú ý đến vấn đề trị vì đất nước, đem lại thái bình cho thiên hạ, bình định thiên hạ. Vì vậy, tư tưởng Nho giáo có vai trò và địa vị quan trọng, đồng thời nó cũng là linh hồn của tư tưởng và quan niệm của toàn dân tộc Trung Hoa. Vì vậy, Phật giáo du nhập Trung Quốc từ lâu, nhưng tư tưởng Phật giáo không phù hợp với việc quản lý đất nước, an dân của người Trung Quốc. Phật giáo đã có một chỗ đứng vững chắc, bất rã ở Trung Quốc, trở thành một phần của văn hóa Trung Quốc, nhưng nó đôi khi bị bỏ qua.

8.3 Tinh thần báo hiếu là linh hồn của lễ Vu Lan ở Việt Nam

Lễ Vu Lan bắt đầu ở Trung Quốc không chỉ là lễ tưởng nhớ những người đã khuất, mà còn là lễ tưởng nhớ tổ tiên, tưởng nhớ cha mẹ. Bản thân của ngày lễ cũng là một hành động báo hiếu. Tuy nhiên, sau khi Lễ Vu Lan du nhập Việt Nam, ngoài việc tưởng nhớ người chết, nó còn mang một ý nghĩa khác, đó là báo đáp công ơn sinh thành dưỡng dục của ông bà cha mẹ và hiện nay nó đã trở thành một “lễ báo hiếu” ở Việt Nam. Cùng với sự phát triển của xã hội và sự thay đổi của thời đại, hình thức và nội dung của “lễ Vu Lan” ở Việt Nam đã có những cải cách và thay đổi. Ý nghĩa của nghi lễ cài hoa hồng thể hiện linh hồn của lễ Vu Lan ở Việt Nam và tinh thần báo hiếu.

Theo như tìm hiểu, vào đêm trước ngày thứ 15 của lễ Vu Lan, chư tăng và tín đồ của các tự viện Phật giáo đều tập trung tại đại sảnh đường để tụng kinh "Phật thuyết Kinh Vu Lan", "Phật thuyết Kinh báo ân" và tổ chức lễ báo hiếu cha mẹ. Trong số các nghi thức hành lễ có nghi thức cài hoa hồng. Nghi lễ này trở nên phổ biến ở Việt Nam từ giữa đến cuối thế kỷ XX.

Cụ thể, sau khi thầy Thích Nhất Hạnh hoàn thành bài văn ngắn “Bông hồng cài áo” (玫瑰插衣) (năm 1962) [32], dưới sự chỉ bảo của thầy, nghề cắm hoa hồng bắt đầu xuất hiện. Trong đó, có giá trị và được nhiều người biết đến nhất phải kể đến bài văn ngắn "Bông hồng cài áo". Từ nội dung của bài văn ngắn "Bông hồng cài áo", chúng ta có thể biết được những việc làm trong phong tục cài hoa hồng trong lễ Vu Lan. Theo nội dung của bài báo ngắn, thầy Thích Nhất Hạnh đã từng đi đến một hiệu sách ở quận Ginza, Tokyo, Nhật Bản cùng với thầy pháp Thiên Ân, gặp một số bạn học người Nhật của thầy pháp Thiên Ân trên đường phố. Họ cài một bông hồng lên ngực thiền sư, và chính ông cũng không biết làm thế nào. Sau đó, nhờ sự giải thích của thầy pháp Thiên Ân thì mới biết có phong tục cài hoa hồng vào ngày của mẹ, nên thiền sư đã viết câu chuyện này thành một bài văn ngắn “Bông hồng trong áo” để cho thế giới biết. Sau đó, phong tục cài hoa hồng này được sử dụng trong lễ báo đáp của lễ Vu Lan do cộng đồng Phật giáo Việt Nam tổ chức. Hành động của thiền sư không chỉ làm phong phú thêm nội dung của nghi lễ báo ân tại lễ Vu Lan mà còn khiến những người con trên thế giới thêm cảm kích về tấm lòng nhân hậu, đức hy

sinh của cha mẹ, biết nâng niu trân trọng những gì quý giá nhất trong cuộc đời mình.

Thầy pháp đã giải thích cho đại chúng về nguồn gốc và giá trị của lễ Vu Lan, lòng nhân từ sâu xa của cha mẹ, con cái nên báo đáp như thế nào và khuyên đại chúng chăm chỉ học Phật pháp, trừ ác và làm việc thiện, v.v. Những ai còn mẹ thì cài hoa hồng đỏ, ai mất mẹ thì cài hoa hồng trắng để chia ly. Công chúng vừa nghe nhạc vừa cài hoa hồng.



Hình 4. Cài hoa hồng đỏ là còn mẹ [33].

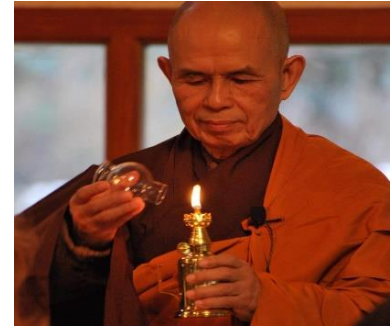


Hình 5. Cài hoa hồng trắng là đã mất mẹ [34].

Cuối cùng, đại chúng nghe bài hát bông hồng cài áo, ai còn cha mẹ được cắm bông hồng đỏ thì trong lòng rất vui và tự hào, ai mất cha mẹ thì mang theo bông hồng trắng, vô cùng xúc động và đau xót (tích cực), cảm thấy mình đã đánh mất một kho tàng quý giá. Đồng thời, nghi lễ này cũng là một tập tục, tập làm người con hiếu thảo, tập làm chủ. Kể từ khi thầy Thích Nhất Hạnh viết bài “Bông hồng cài áo”, nội dung của nó đã được áp dụng vào các nghi lễ của lễ Vu Lan, nghi lễ cài hoa hồng đã trở thành một nghi lễ không thể thiếu trong lễ Vu Lan, không chỉ khiến nội dung lễ hội càng thêm phong phú, ý nghĩa, có giá trị, đồng thời làm cho sự nghiệp truyền bá đạo Phật ngày càng cao, thấm sâu vào quần chúng, làm cho khoảng cách giữa đạo Phật với nhân dân ngày càng được rút ngắn lại, nhận thức về đạo Phật ngày càng nâng cao. Xét từ những việc làm, nội dung, nghi lễ... thì lễ cài hoa hồng có ý nghĩa và giá trị đáng kinh ngạc. Vì vậy, trong quá trình phát huy đạo hiếu thông qua lễ Vu Lan, cộng đồng Phật tử Việt Nam đã không ngừng cập nhật và quảng bá. Nghi lễ này được đông đảo đồng bào Việt Nam trên khắp cả nước và nước ngoài sử dụng. Đồng thời, Phật giáo đã hình thành nên nét đặc sắc của văn hóa truyền thống nước nhà, làm cho văn hóa Việt Nam ngày càng phong phú và tươi sáng hơn.

Ban đầu, "lễ Vu Lan" của người Trung Quốc là lễ hội dành cho những người đã khuất, nhưng sau khi du nhập Việt Nam, nó đã trở thành một lễ hội báo hiếu ở Việt Nam. Văn hóa Việt Nam tuy chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa, nhưng Việt Nam thường hòa nhập những phong tục tập quán của dân tộc mình khi tiếp thu văn hóa

ngoại lai. Vì vậy, lễ Vu Lan ở Việt Nam ngày nay đã trở thành “lễ hội báo hiếu”.



Hình 6. Thầy Thích Nhất Hạnh [35].

9. KẾT LUẬN

Ở Trung Quốc, lễ Vu Lan là một lễ hội tôn giáo, và phạm vi thực hiện của nó chỉ là trong các ngôi đền. Nội dung và nghi lễ của nó có xu hướng được tổ chức để tưởng nhớ cha mẹ và tổ tiên đã khuất. Ý tưởng của nó là đại diện cho tư tưởng đạo hiếu của Phật giáo ở Trung Quốc, nó đã rất phổ biến vào thời kỳ đầu. Nhưng sau hơn một nghìn năm, lễ Vu Lan đã trở nên hài hòa với tôn giáo địa phương của Trung Quốc. Do đó, hình thức và nội dung của nó đã thay đổi. Hiện tại, lễ Vu Lan hiếm khi được tổ chức ở Trung Quốc. Khi mới du nhập Việt Nam, nó cũng là một nghi lễ trong các ngôi chùa. Nhưng hiện nay, lễ Vu Lan đã được bản địa hóa ở Việt Nam và trở thành “lễ hội báo hiếu”. Nó không chỉ là những nghi lễ và lễ hội tôn giáo, những tư tưởng của nó còn ảnh hưởng lớn đến xã hội. Nhắc đến lễ Vu Lan thì ai cũng biết đó là nói đến “đạo hiếu với cha mẹ”, ngày nay nó đã trở thành ngày lễ của toàn dân. Ngoài ra, bài viết này đã chủ yếu giải thích đơn giản ý nghĩa của “tư tưởng đạo hiếu của Phật giáo” và thông qua nghiên cứu so sánh hiện trạng, so sánh và phân tích những điểm tương đồng và khác nhau về tình hình lễ Vu Lan của Việt Nam và Trung Quốc hiện nay. Từ đó, chúng ta có thể thấy thái độ của mỗi quốc gia, dân tộc đối với việc chấp nhận văn hóa ngoại lai và thực trạng của Phật giáo ngày nay.

Tóm lại, lễ Vu Lan được truyền từ Trung Quốc vào đã dần phát triển thành một lễ hội quan trọng hàng năm, nó đã giúp cho con người nhận ra và hiểu sâu hơn về đạo hiếu. Có thể nói ngắn gọn như sau, lễ Vu Lan du nhập Việt Nam thông qua sự giao lưu văn hóa giữa hai quốc gia, và được Việt hóa dần trong quá trình tiến hóa lịch sử. Quá trình lịch sử này có những điểm tương đồng đối với các lễ hội và phong tục ở cả hai quốc gia. Sở dĩ có một vài điểm thống nhất và tương đồng về chính ngày lễ Vu Lan là do nó nằm ở sự kế thừa lịch sử của lễ hội của hai nước.

10. TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] HT. Thích Minh Châu, “Phật giáo và chữ Hiếu”, NXB Tổng hợp, 2000.

[2] HT. Thích Minh Châu, “Người Việt Nam yêu mẹ kính cha”, NXB Tổng hợp, 2000.

- [3] “Lược khảo về sự tích và ý nghĩa Lễ hội Vu Lan” của Nguyễn Phúc Bửu Tập.
- [4] Phạm Quang Hà - Ban Tôn giáo, “Nguồn gốc, ý nghĩa ngày lễ Vu Lan báo hiếu”, **2020**.
- [5] Thượng toạ Thích Phước Đạt, “Giá trị giải thoát của ngày lễ Vu Lan”, **2014**.
- [6] HT. Thích Minh Châu: “Đạo đức Phật giáo và hạnh phúc của con người - đạo hiếu trong kinh tạng Pali”, NXB Tổng hợp Hà Nội, **2002**.
- [7] HT. Thích Minh Châu, HT. Thích Thiện Siêu, “Đạo hiếu trong Phật giáo”, NXB Tổng hợp, TP.HCM, **2013**.
- [8] Nhiều tác giả: “Đạo đức học Phật giáo”, Phật tử Việt Nam nghiên cứu, **1995**.
- [9] Quá Vĩ. "Nghiên cứu so sánh tập tục lễ hội Việt - Trung". Sáng Tạo, số tháng 1 năm **2007**.
- 过伟.中越节日民俗之比较研究.创新 2007 年 01 期.
- [10] Xương Liên: "Phật Thuyết Kinh Vu Lan Bồn và Đạo Hiếu Từ Bi của Phật Giáo", Nhà Xuất bản Văn hóa Tôn giáo, **2008**.
- 昌莲:《佛说盂兰盆经与佛教孝慈之道》, 宗教文化出版社, **2008** 年.
- [11] Vương Nguyệt Thanh: "Nghiên cứu đạo đức Phật giáo Trung Quốc", Luận án Tiến sĩ, Đại học Nam Kinh, **1998**.
- 王月清:《中国佛教伦理研究》, 博士论文, 南京大学, **1998** 年.
- [12] “So sánh phong tục văn hóa lễ hội truyền thống Trung Quốc và nghiên cứu giảng dạy” của Nguyễn Thị Hà, **2019**.
- [13] “Tăng chi Bộ”, Nam truyền, quyển 4, trang 44.
- [14] Kinh tri ân của “Tăng chi Bộ”, Nam truyền.
- [15] “Tăng chi Bộ”, Nam truyền, quyển 3, trang 146.
- [16] <https://phatgiao.org.vn/ngu-nghich-la-gi-nhung-ai-chet-la-doa-va-o-dia-nguc-ngay-d55545.html>
- [17] Tương ưng Bộ kinh điển (cuốn 1 đến cuốn 11) – cuốn 11: (Đại tạng kinh, Nam truyền, trang 389, PTS.S.1.228)
- [18] “Tăng chi Bộ”, Nam truyền, quyển 1, trang 142.
- [19] Nhậm Kế Dư: "Lịch sử Phật giáo Trung Quốc", Nhà Xuất bản Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc, **1981**, trang 10.
- 任继愈《中国佛教史》中国社会机构略, **1981**, 第 10 页.
- [20] Vương Thụ Anh: "Lược sử văn hóa Ấn Độ", Nhà xuất bản Nhân Dân, **2011**, trang 197.
- 王树英著:《印度文化简史》, 人民出版社, 2011, 第 197 页.
- [21] "Kinh Hiếu" Chương 1 Khai Tông Minh Nghĩa, Bản điện tử, trang 1.
- 《孝经》第一章开宗明义, 电子版, 第 1 页.
- [22] <https://phathocdoisong.com/muc-kien-lien-hieu-thao-cuu-me-minh-thoat-dia-nguc.html>
- [23] <https://phathocdoisong.com/muc-kien-lien-hieu-thao-cuu-me-minh-thoat-dia-nguc.html>
- [24] <https://giacngo.vn/nguyetsan/>
- [25] https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%BANG_c%C3%B4_h%E1%BB%93n
- [26] Du Kế Văn: "Lịch sử Phật giáo", Nhà Xuất bản Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc, **1995**, trang 48.
- 杜继文:《佛教史》, 中国社会科学院出版社, 1995, 第 48 页.
- [27] Nguyễn Lang, “Việt Nam Phật giáo sử luận” (I), chương 1, trang 22, Hà Nội: NXB Văn học, **1992**.
- [28] Nguyễn Lang, “Việt Nam Phật giáo sử luận” (I), chương 12, Hà Nội: NXB Văn học, **1992**.
- [29] Trình Dụ Trinh: "Khái quát văn hóa Trung Quốc", Nhà Xuất bản Giảng dạy và Nghiên cứu Ngoại Ngữ, **2011**, trang 112.
- 程裕祯:《中国文化要略》外语教学与研究出版社, **2011**, 第 112 页.
- [30] Đại Việt sử ký toàn thư, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Nhà XB Khoa học Xã hội, Hà Nội, **1998**.
- [31] Trần Trọng Kim, “Việt Nam sử lược”, NXB Tổng hợp Hồ Chí Minh, **2005**, trang 120.
- [32] HT. Thích Nhất Hạnh, “Bông hồng cài áo”, **1962**.
- [33] <https://thanglongdaoquan.vn/y-nghia-bong-hong-cai-ao-ngay-le-vu-lan/>
- [34] <https://sukienbinhphuoc.com/y-nghia-bong-hong-cai-ao-ngay-le-vu-lan/>
- [35] <https://nld.com.vn/chinh-tri/bo-ngoai-giao-chia-buon-thien-su-thich-nhat-hanh-vien-tich-20220124081031696.htm>